

Số: 2025/QĐ-UBND

Thừa Thiên Huế, ngày 21 tháng 10 năm 2013

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phân cấp quản lý một số tuyến đường và công
trình cầu trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng Nhân dân và Ủy ban Nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Giao thông đường bộ ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ, quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ,

Xét đề nghị của Giám đốc Sở GTVT tại Tờ trình số 1044 /TTr-SGTVT ngày 19 tháng 9 năm 2013,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phân cấp các tuyến đường sau thành đường đô thị: Đường trong Khu quy hoạch Nam Vỹ Dạ 6 (đợt 3), phường Vỹ Dạ, thành phố Huế, gồm 04 tuyến với tổng chiều dài 693m; Đường trong Khu đô thị mới an Cựu, gồm 13 tuyến với tổng chiều dài 4.107,52m; Đường Thủy Dương – Thuận An, chiều dài tuyến 5.635,3m và 04 cầu bê tông cốt thép dự ứng lực chiều dài 206,7m; Đường phía Bắc trung tâm thi đấu thể thao Tỉnh, chiều dài tuyến 294,78m.

Phân cấp các cầu sau thành Cầu trong đô thị: Cầu Ba Bền, phường Kim Long, thành phố Huế, chiều dài 60,2m, đường đầu cầu chiều dài 42,5m; Cầu Dã Viên, thành phố Huế, chiều dài 542,5m, đường đầu cầu chiều dài 168,92m.

(Chi tiết có Phụ lục kèm theo)

Điều 2. Giao Sở Giao thông vận tải tổ chức tiếp nhận và quản lý các tuyến đường và cầu nêu tại Điều 1 quyết định này theo đúng quy định. Kinh phí duy tu sửa chữa thường xuyên, sửa chữa vừa và nhỏ của các tuyến đường và cầu trên được bố trí trong nguồn vốn sự nghiệp giao thông địa phương hằng năm của Tỉnh kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2014.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban Nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Giao thông vận tải; Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Xây dựng; Giám đốc Kho Bạc Nhà nước tỉnh; Chủ tịch Ủy ban Nhân dân thành phố Huế và Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

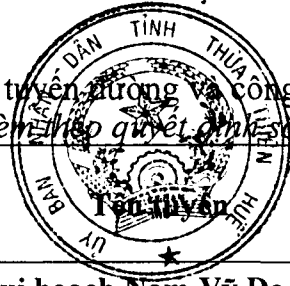
Nơi nhận:

- Như điều 4;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- VP: CVP, PCVP;
- Lưu: VT, GT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



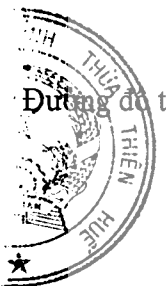
Lê Trường Lưu



Phụ lục:

Các tuyến đường công trình cầu nâng cấp quản lý trên địa bàn tỉnh TT-Huế
(Kèm theo quyết định số 2095/QĐ-UBND ngày 21 tháng 10 năm 2013)

Số TT	Các thông số		Phân cấp quản lý	
	Chiều dài (m)	Mặt cắt ngang (m)		
I. Khu qui hoạch Nam Vỹ Dạ 6 (đợt 3)				
1	Tuyến số 01	150,00	Đường đô thị	
a	Đoạn bề rộng mặt 10,5m	44,00		$(1,65+10,5+7,5)=19,65$
b	Đoạn bề rộng mặt 13m	106,00		$(1,65+13+5)=19,65$
2	Tuyến số 02	319,00		$(3+7+3)=13$
3	Tuyến số 03	123,50		$(3+7,5+3)=13,5$
4	Tuyến số 04	100,50		$(4,5+10,5+4,5)=19,5$
	Tổng cộng:	693,00		
II. Hạ tầng kỹ thuật Khu đô thị mới An Cựu				
1	Tuyến BN1	450,56	$(4+7,5+1+7,5+6)=26$	Đường đô thị
2	Tuyến BN2	208,00	$(3+5,5+3,5+5,5+3)=20,5$	
3	Tuyến BN3	180,50	$(3+5,5+3,5+5,5+3)=20,5$	
4	Tuyến BN4	209,24	$(6+5,5+3)=14,5$	
5	Tuyến BN5	600,75	$(3+10,5+3)=16,5$	
6	Tuyến ĐT1	285,15	$(3+5,5+3)=11,5$	
7	Tuyến ĐT2	286,51	$(3+5,5+3)=11,5$	
8	Tuyến ĐT3	287,87	$(3+5,5+3)=11,5$	
9	Tuyến ĐT4	289,22	$(3+10,5+6)=19,5$	
10	Tuyến ĐT5	421,14	$(6+14+6)=26$	
11	Tuyến ĐT6	297,68	$(3+5,5+3)=11,5$	
12	Tuyến ĐT7	301,85	$(3+5,5+3)=11,5$	
13	Tuyến ĐT8	289,05	$(3+5,5+3)=11,5$	
	Tổng cộng	4.107,52		
III. Đường Thủy Dương – Thuận An				
1	Tuyến đường	5.635,30	$(9+10,5+5+10,5+9)=44$	Đường đô thị
2	Công trình trên tuyến	206,70		
a	Cầu Lợi Nông	60,20	$(9+10,5+5+10,5+9)=44$	
b	Cầu Như Ý 1	42,95	$(9+10,5+5+10,5+9)=44$	
c	Cầu Như Ý 2	61,40	$(9+10,5+5+10,5+9)=44$	
d	Cầu Công Lương	42,15	$(9+10,5+5+10,5+9)=44$	
IV. Đường phía Bắc Trung tâm thi đấu thể thao Tỉnh				
1	Tuyến đường	294,78	$4,5+7+4,5=16$	Đường đô thị
V. Cầu Ba Bến				
1	Phần cầu chính	60,20	$7+2 \times 0,5=8$	Cầu trong đô thị
2	Đường đầu cầu	42,50	$7+2 \times 1=9$	
	Tổng cộng	102,70		
VI. Cầu Dã Viên				
1	Phần cầu chính	542,50	$2 \times 7,5+2 \times 4,5+2 \times 0,25=24,5$	Cầu trong đô thị
2	Đường đầu cầu	168,92	$2 \times 7,5+2 \times 4,5+2 \times 0,25=24,5$	
	Tổng cộng	711,42		



LawSoft * Tel: +84 8- 3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn